Danh mục các thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục đủ điều kiện đã được tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia

_____

7. Sở Giáo dục và đào tạo: 119 (Cấp tỉnh 86, Cấp huyện 30, Cấp xã: 03)

STT	TÊN TTHC (DVCTT)	MÃ SỐ TTHC (DVCTT)	LĨNH VỰC	CẤP THỰC HIỆN		
				Tỉnh	Huyện	Xã
1	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục	1.006388.000.00.00.H06	Giáo dục Trung học	x		
2	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục	1.005074.000.00.00.H06	Giáo dục Trung học	x		
3	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại	1.005067.000.00.00.H06	Giáo dục Trung học	x		
4	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	1.005070.000.00.00.H06	Giáo dục Trung học	x		
5	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	1.006389.000.00.00.H06	Giáo dục Trung học	x		
6	Tuyển sinh trung học phổ thông	3.000181.000.00.00.H06	Giáo dục Trung học	x		
7	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	2.002478..000.00.00.H06	Giáo dục Trung học	x		
8	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước	2.002479.000.00.00.H06	Giáo dục Trung học	x		
9	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài	2.002480.000.00.00.H06	Giáo dục Trung học	x		
10	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	1.001088.000.00.00.H06	Giáo dục Trung học	x		

11	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục	1.005069.000.00.00.H06	Giáo dục nghề nghiệp	x		
12	Sáp nhập, chia tách trường trung cấp sư phạm	1.005073.000.00.00.H06	Giáo dục nghề nghiệp	x		
13	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp)	2.001988.000.00.00.H06	Giáo dục nghề nghiệp	x		
14	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	1.005082.000.00.00.H06	Giáo dục nghề nghiệp	x		
15	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	1.005354.000.00.00.H06	Giáo dục nghề nghiệp	x		
16	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	2.001989.000.00.00.H06	Giáo dục nghề nghiệp	x		
17	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục	1.005088.000.00.00.H06	Giáo dục nghề nghiệp	x		
18	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu trường trung cấp)	1.005087.000.00.00.H06	Giáo dục nghề nghiệp	x		
19	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	1.005084.000.00.00.H06	Giáo dục dân tộc	x		
20	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	1.005081.000.00.00.H06	Giáo dục dân tộc	x		

21	Sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc nội trú	1.005079.000.00.00.H06	Giáo dục dân tộc	x		
22	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (Theo yêu cầu của chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	1.005076.000.00.00.H06	Giáo dục dân tộc	x		
23	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên	1.005065.000.00.00.H06	Giáo dục thường xuyên	x		
24	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại	1.005062.000.00.00.H06	Giáo dục thường xuyên	x		
25	Sáp nhập, chia tách Trung tâm giáo dục thường xuyên	1.000744.000.00.00.H06	Giáo dục thường xuyên	x		
26	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên	1.005057.000.00.00.H06	Giáo dục thường xuyên	x		
27	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục	1.005015.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	x		
28	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	1.005008.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	x		
29	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	1.004988.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo	x		

			dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác			
30	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	1.004999.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	x		
31	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	1.004991.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	x		
32	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương	1.005017.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	x		
33	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	1.005053.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	x		
34	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	1.005049.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	x		
35	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại	1.005025.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	x		
36	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	1.005043.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	x		

37	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin hoc)	1.005036.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	x		
38	Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	1.005466.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	x		
39	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	1.005195.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	x		
40	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	1.005359.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	x		
41	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	1.004712.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	x		
42	Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	2.001805.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	x		
43	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	1.000181.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	x		
44	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	1.001000.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo	x		

			dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác			
45	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	1.005061.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	x		
46	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	2.001985.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	x		
47	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	2.001987.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	x		
48	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000715.000.00.00.H06	Kiểm định chất lượng giáo dục	x		
49	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000713.000.00.00.H06	Kiểm định chất lượng giáo dục	x		
50	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000711.000.00.00.H06	Kiểm định chất lượng giáo dục	x		
51	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	1.000259.000.00.00.H06	Kiểm định chất lượng giáo dục	x		

52	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	1.000288.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	x		
53	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia	1.000280.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	x		
54	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	1.000691.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	x		
55	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	1.000729.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	x		
56	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	2.000011.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	x		
57	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	1.005143.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	x		
58	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	1.009002.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	x		
59	Xét, cấp học bổng chính sách	1.002407.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	x		

60	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	1.001714.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	x		
61	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	1.004435.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	x		
62	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số.	1.004436.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	x		
63	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	1.002982.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	x		
64	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	1.005144.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	x		
65	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	1.001492.000.00.00.H06	Đào tạo với nước ngoài	x		
66	Phê duyệt liên kết giáo dục	1.001499.000.00.00.H06	Đào tạo với nước ngoài	x		
67	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	1.001497.000.00.00.H06	Đào tạo với nước ngoài	x		
68	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	1.001496.000.00.00.H06	Đào tạo với nước ngoài	x		
69	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.000939.000.00.00.H06	Đào tạo với nước ngoài	x		

70	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.000716.000.00.00.H06	Đào tạo với nước ngoài	x		
71	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.008722.000.00.00.H06	Đào tạo với nước ngoài	x		
72	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.008723.000.00.00.H06	Đào tạo với nước ngoài	x		
73	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.006446.000.00.00.H06	Đào tạo với nước ngoài	x		
74	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.000718.000.00.00.H06	Đào tạo với nước ngoài	x		
75	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.001495.000.00.00.H06	Đào tạo với nước ngoài	x		

76	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.001493.000.00.00.H06	Đào tạo với nước ngoài	x		
77	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	1.003734.000.00.00.H06	Thi, tuyển sinh	x		
78	Xét tuyển sinh vào trường PT DTNT	1.005090.000.00.00.H06	Thi, tuyển sinh	x		
79	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	1.005098.000.00.00.H06	Thi, tuyển sinh	x		
80	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	1.005142.000.00.00.H06	Thi, tuyển sinh	x		
81	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	1.005095.000.00.00.H06	Thi, tuyển sinh	x		
82	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học	2.001806.000.00.00.H06	Thi, tuyển sinh	x		
83	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	1.009394.000.00.00.H06	Thi, tuyển sinh	x		
84	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	1.005092.000.00.00.H06	Văn bằng, chứng chỉ	x		
85	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	2.001914.000.00.00.H06	Văn bằng, chứng chỉ	x		
86	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	1.004889.000.00.00.H06	Văn bằng, chứng chỉ	x		
87	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	1.006444.000.00.00.H06	Giáo dục mầm non		x	
88	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	1.004515.000.00.00.H06	Giáo dục mầm non		x	

89	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	1.004555.000.00.00.H06	Giáo dục tiểu học		x	
90	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	2.001842.000.00.00.H06	Giáo dục tiểu học		x	
91	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	1.004552.000.00.00.H06	Giáo dục tiểu học		x	
92	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	1.001639.000.00.00.H06	Giáo dục tiểu học		x	
93	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	1.005099.000.00.00.H06	Giáo dục tiểu học		x	
94	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	2.001818.000.00.00.H06	Giáo dục trung học		x	
95	Tuyển sinh trung học cơ sở	3.000182.000.00.00.H06	Giáo dục trung học		x	
96	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	2.002481.000.00.00.H06	Giáo dục trung học		x	
97	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	2.002482.000.00.00.H06	Giáo dục trung học		x	
98	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	2.002483.000.00.00.H06	Giáo dục trung học		x	
99	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc THCS	2.001904.000.00.00.H06	Giáo dục trung học		x	
100	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc THCS	1.005108.000.00.00.H06	Giáo dục trung học		x	
101	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	1.004496.000.00.00.H06	Giáo dục dân tộc		x	
102	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	1.004545.000.00.00.H06	Giáo dục dân tộc		x	
103	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	2.001839.000.00.00.H06	Giáo dục dân tộc		x	
104	sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	2.001837.000.00.00.H06	Giáo dục dân tộc		x	

105	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	2.001824.000.00.00.H06	Giáo dục dân tộc		x	
106	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	1.004439.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác		x	
107	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	1.004440.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác		x	
108	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	1.005106.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân		x	
109	Quy trình đánh giá, xếp loại Cộng đồng học tập cấp xã	1.005097.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân		x	
110	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.008724.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân		x	

111	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.008725.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân		x	
112	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cở sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	1.004438.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân		x	
113	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	1.003702.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân		x	
114	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	1.001622.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân		x	
115	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	1.008950.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân		x	
116	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	1.008951.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân		x	
117	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	1.004441.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác			x
118	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	1.004485.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo			x

			dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác			
119	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	2.001810.000.00.00.H06	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác			x